TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ** TỈNH ĐỒNG NAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **20**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 27 - 3 - 2024
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nam.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Tuyết Minh và bà Trần Thị Yến Nhi.
- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Văn Năng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.
- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai *tham gia phiên tòa:* Bà Trương Thị Liên – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 541/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2023, về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2024/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Thu T**, sinh năm 1986; nơi đăng ký thường trú: Số nhà X, Tổ Y, ấp T T, xã P X, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai ;
- Bị đơn: Ông **Nguyễn Viết Th**, sinh năm 1982; nơi đăng ký thường trú: Số nhà X, Tổ Y, ấp T T, xã P X, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai; chỗ ở hiện nay: Số k, Tổ Z, ấp P C, xã P B huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

(Nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt,
bị đơn vắng mặt nhưng không rõ lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện và lời khai trong thời gian chuẩn bị xét xử vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu T trình bày:

Bà và ông Nguyễn Viết Th tìm hiểu, yêu thương nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P B, huyện Tân Phú được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 30/03/2010. Trong thời gian sống chung, ông Th không chịu khó làm ăn, thường nhậu nhẹt say xỉn về nhà chửi bới, đánh đập, chửi tục, xúc phạm bà trong thời gian dài. Đến tháng 11/2023, ông Th say xỉn về nhà chửi bới, đập phá tài sản trong gia đình và dọn đồ đạc chuyển về nhà cha mẹ đẻ tại ấp P C, xã P B, huyện Tân Phú sinh sống và vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Do tình cảm vợ chồng

không còn và không thể hàn gắn để tiếp tục chung sống với nhau nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Viết Th.

Về con và cấp dưỡng nuôi con: Bà và ông Th có 03 con chung là: Nguyễn Hoàng Yến K - sinh ngày 29/3/2011, Nguyễn Hoàng Ngọc B - sinh ngày 15/01/2013 và Nguyễn Quang Kh - sinh ngày 25/10/2019. Nay ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả ba con chung và không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại Bản tự khai ghi ngày 05/12/2023, lời trình bày trong quá trình chuẩn bị xét xử, bị đơn ông Nguyễn Viết Th trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị Thu T tự nguyện kết hôn với nhau tại UBND xã P B, huyện Tân Phú được cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2010 và sống chung đến ngày 02/11/2023 thì sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian sống chung giữa vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn là do lỗi của ông, do ông thường đi nhậu nhẹt, say xỉn về chửi bới, nói tục; có lần nóng giận ông còn đánh bà T; khi bà T bỏ chạy ra ngoài thì ông tiếp tục đuổi đánh bà T. Ngoài ra, do ông ghen tuông nên có những lời nói chửi bới, chửi thề bà T. Đầu tháng 10/2023, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nên ông có đập phá máy may của bà T và dọn đồ đạc về nhà cha mẹ đẻ ở xã P B sinh sống. Trước đó, bà T có khuyên bảo nhiều lần nhưng do bản thân ông nể bạn bè rủ rê nên vẫn tiếp tục nhậu nhẹt. Ông mong muốn hòa giải để vợ chồng tiếp tục chung sống với nhau nên ông không đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị Thu T.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Hoàng Yến K - sinh ngày 29/3/2011, Nguyễn Hoàng Ngọc B - sinh ngày 15/01/2013 và Nguyễn Quang Kh - sinh ngày 25/10/2019. Nay ly hôn, ông đồng ý giao cả ba con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng và ông không cấp dưỡng nuôi con do bà T không yêu cầu.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận nên ông không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung bất kỳ ai nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng trình tự tố tụng theo quy định đối với một phiên tòa sơ thẩm.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Căn cứ: Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 91, 92, 93 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn: Cho bà Nguyễn Thị Thu T được ly hôn với ông Nguyễn Viết Th; về con chung: Giao 03 con chung là Nguyễn Hoàng Yến K - sinh ngày 29/3/2011, Nguyễn Hoàng Ngọc B

- sinh ngày 15/01/2013 và Nguyễn Quang Kh - sinh ngày 25/10/2019 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng; tạm thời, ông Th không cấp dưỡng nuôi con do bà T không yêu cầu; về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không giải quyết; về án phí: Nguyên đơn phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Xác định thẩm quyền giải quyết: Ông Nguyễn Viết Th cư trú tại ấp P C, xã P B, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Vì vậy, căn cứ theo điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

[1.2] Xác định quan hệ pháp luật: Bà T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Th và được trực tiếp nuôi con chung chưa thành niên. Vì vậy, quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.3] Xác định tư cách đương sự: Bà T khởi kiện đối với ông Th. Căn cứ theo khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định bà T là nguyên đơn, ông Th là bị đơn trong vụ án.

[1.4] Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhận thấy:

[2.1] Về hôn nhân: Các đương sự tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P B, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 21, ngày 30 tháng 3 năm 2010. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ, khi bà T yêu cầu ly hôn thì Tòa án căn cứ Luật hôn nhân gia đình để giải quyết.

Trên cơ sở lời khai của đương sự và tài liệu, chứng cứ thu thập trong quá trình tiến hành tố tụng thể hiện: Bà T khởi kiện ly hôn nhưng ông Th không đồng ý ly hôn với bà T. Xét thấy, trong thời gian sống chung, các đương sự có xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, xô sát với nhau nhiều lần, trong khoảng thời gian dài. Nguyên nhân chính là do ông Th thường nhậu nhẹt say xỉn, chửi bới, xúc phạm đánh đập bà T. Tuy ông Th không đồng ý ly hôn nhưng ông Th vẫn không sửa đổi bản thân, không có biện pháp để hàn gắn vợ chồng tiếp tục chung sống với nhau mà tiếp tục đập phá tài sản trong gia đình dẫn đến vợ chồng phải sống ly thân từ tháng 11/2023 cho đến nay.

Từ những đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Các đương sự đã vi phạm nghiêm trọng về nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ giữa vợ và chồng; vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng

được quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình, làm hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không được liên tục, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Điều 91 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014

[2.2] Về con và cấp dưỡng nuôi con chung: Bà T và ông Th có 03 (ba) con chung là Nguyễn Hoàng Yến K - sinh ngày 29/3/2011, Nguyễn Hoàng Ngọc B - sinh ngày 15/01/2013 và Nguyễn Quang Kh - sinh ngày 25/10/2019. Xét thấy, từ khi vợ chồng sống ly thân, các con chung do bà T trực tiếp nuôi dưỡng và ông Th cũng đồng ý giao cả ba con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy, giao cháu K, cháu B và cháu Kh cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là có cơ sở pháp luật. Bà T không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Các đương sự khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về quan hệ hôn nhân và nuôi dưỡng con chung phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144, 147; khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, 238, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Điều 39 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điều 85, 89, 91, 92, 93 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

- Điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu T.

1.1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu T được ly hôn với ông Nguyễn Viết Th.

1.2. Về con và cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự có 03 con chung là Nguyễn Hoàng Yến K - sinh ngày 29/3/2011, Nguyễn Hoàng Ngọc B - sinh ngày 15/01/2013 và Nguyễn Quang Kh - sinh ngày 25/10/2019. Giao cháu K, cháu B và cháu Kh cho bà T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Bà T không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không giải quyết.

Các đương sự có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được gây cản trở. Vì lợi ích của con chung các đương sự có quyền xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

1.3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên Tòa án không giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thu T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình về ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) bà T đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0002701 ngày 08/11/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Bà T đã nộp đủ.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự (Để thi hành);
- VKSND huyện Tân Phú;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú;
- UBND xã P B, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai (Đăng ký kết hôn số 21 ngày 30/3/2010);
- Lưu hồ sơ vụ án, Lưu trữ cơ quan.

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Nam